

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2018/HS-PT

Ngày 20-8-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Các Thẩm phán: 1. Ông Ngô Ngọc Thắng

2. Ông Trần Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 274/2018/HSPT ngày 05 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Lê Minh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Minh T; giới tính: nam; sinh ngày 07 tháng 01 năm 1996 tại An Giang; thường trú: tổ A ấp AT, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: LVV và bà: ĐTL; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 01 con (sinh năm 2018); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 15/02/2018 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Minh T và ông ĐQH đều là người làm công cho cửa hàng bán phụ tùng xe, đều thuê phòng ở chung tại địa chỉ số A1 đường PĐ, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi sống chung, bị cáo biết ông H có 01 chiếc xe gắn máy biển số 52T1-4841 gửi tại bãi giữ xe số A2 đường PĐ, Phường B, Quận C, còn giấy tờ xe và chìa khóa xe ông H để trong tủ (tủ không có khóa) nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, khoảng 13 giờ 30 phút ngày 15/6/2013, bị cáo xin nghỉ làm và gặp ông H lấy chìa khóa phòng, sau đó, về phòng lục lấy giấy đăng ký xe, chìa khóa xe và giấy chứng minh nhân dân của ông H rồi ra bãi giữ xe số A2 đường PĐ

đưa các giấy tờ trên cho ông Võ Văn T (nhân viên giữ xe), đồng thời nói dối với ông T là ông H nhờ bị cáo lấy xe giùm. Tin lời bị cáo là thật, ông T cho T lấy xe ra. Sau khi chiếm đoạt chiếc xe, bị cáo nhờ ông LVS (bạn của T) tìm chỗ bán xe. Ông S cùng T đem chiếc xe đến tiệm sửa xe gần khu vực bến xe AS (không xác định được địa chỉ) bán cho 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 3.000.000 đồng. Bị cáo chia cho ông S 1.500.000 đồng, còn lại bị cáo cất giữ tiêu xài. Sau khi phát hiện bị mất xe, ông H và ông T đến Công an Phường 2, Quận 6 trình báo sự việc.

Tại Công văn số 996/TCKH ngày 09/8/2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận 6 thuộc Ủy ban nhân dân Quận 6 thể hiện:

Qua tham khảo giá thị trường, thông tin giá cả mua bán trên mạng Internet.

Căn cứ biên bản họp ngày 09/8/2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận 6 về việc định giá tài sản.

Nay thông báo giá tháng 6/2013 như sau:

Xe mô tô Trung Quốc hiệu Lifan biển số 52T1-4841 tỷ lệ còn 40%, có giá mua bán là 3.000.000 đồng.

Ngày 16/8/2013, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 256: khởi tố vụ án hình sự “Trộm cắp tài sản”; ngày 27/12/2013, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố bị can số 28/QĐ-PCKTBC đối với Lê Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 06 với nội dung: Lê Minh T chỉ được phép cư trú tại tổ A ấp AT, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang.

Ngày 26/02/2014, sau khi tiến hành điều tra, xét thấy thời hạn điều tra đã hết, Lê Minh T đã bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 70, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 03 và Quyết định truy nã số 02.

Ngày 15/02/2018, bị cáo ra đầu thú tại công an thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Ngày 16/02/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định đình chỉ số 01.

Ngày 25/02/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự đối với bị can số 02 và Quyết định phục hồi điều tra bị can số 01.

Ngày 23/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 01: thay đổi Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 256 ngày 16/8/2013, nay khởi tố vụ án hình sự “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can số 12: thay đổi Quyết định khởi tố bị can số 28 ngày 27/12/2013, nay khởi tố Lê Minh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Lê Minh T khai nhận nội dung như đã nêu. Riêng ông S cho biết khi bị cáo nhờ đem chiếc xe gắn máy đi tìm chỗ bán, thấy chiếc xe có giấy tờ hợp pháp nên ông đồng ý, ông không biết chiếc xe là tài sản T chiếm đoạt. Sau khi bán chiếc xe được 3.000.000 đồng, T đưa ông mượn 1.100.000 đồng và số tiền này vào cuối tháng 6/2013, bà NTT (mẹ của ông S) đã trả lại cho bà ĐTL (mẹ bị cáo).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T khai sau khi sự việc xảy ra, ông đã thỏa thuận bồi thường cho ông H 1.700.000 đồng; ngày 06/4/2018, ông LVV (cha bị cáo) đã hoàn trả cho ông 2.000.000 đồng, ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Lê Minh T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/02/2018.

Ngoài ra, bản án tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 12/6/2018, bị cáo Lê Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Minh T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất của vụ án, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào ngày 15/6/2013, tại bãi giữ xe số A2 đường PĐ, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Minh T đã có hành vi lừa dối nhân viên bãi giữ xe là ông Võ Văn T (lấy giấy đăng ký xe và giấy chứng minh nhân dân của ông ĐQH – chủ sở hữu chiếc xe gắn máy biển số 52T1-4841), làm ông T tin tưởng bị cáo được ông H nhờ lấy xe giúp nên đã giao chiếc xe trên cho bị cáo, sau đó, bị cáo đem xe rời khỏi hiện trường và nhờ người đem bán lấy tiền tiêu xài. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội.

[2] Bị cáo Lê Minh T có kháng cáo, đơn kháng cáo trong hạn luật định là hợp lệ.

Thời điểm bị cáo Lê Minh T thực hiện hành vi phạm tội là ngày 15/6/2013 (thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 có hiệu lực pháp luật).

Căn cứ nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Lê Minh T.

Tuy nhiên, theo tinh thần của Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA ngày 05/7/2000 của Tòa án nhân dân Tối cao,

Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an thì căn cứ vào các yếu tố sau (theo thứ tự) để so sánh: “loại hình phạt nặng hơn so với loại hình phạt nặng nhất được quy định trong điều luật tương ứng”, “mức hình phạt tối đa của khung hình phạt nặng nhất được quy định trong điều luật”, “mức tối thiểu của khung hình phạt nhẹ nhất được quy định trong điều luật”, “hình phạt bổ sung”.... , từ đó, có cơ sở xác định điều luật nào quy định một hình phạt nhẹ hơn để áp dụng đối với người phạm tội. Trong vụ án này, Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 không thể hiện Điều luật nào nhẹ hơn khi đối chiếu với nhau. Vì vậy, để đảm bảo tính hiệu lực của Bộ luật Hình sự về thời gian quy định tại khoản 1 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 139 (tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản), Điều 69; khoản 1 Điều 74 (nguyên tắc xử lý và tù có thời hạn đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội) của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 khi xem xét tội danh và hình phạt đối với bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt qua định giá có giá trị 3.000.000 đồng nên thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 07 (bảy) tháng tù là đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, đã bồi thường cho bị hại...

Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết nào mới để xem xét cho bị cáo, mức hình phạt đã tuyên là phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt nhưng sửa phần điều luật áp dụng.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Minh T, giữ nguyên mức hình phạt.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; Điều 69; khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Lê Minh T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/02/2018.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nội nh:

- TAND t_i cao; (1)
- TAND c_p cao t_i TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Qu_n 6; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- B_{cg} b_t m giam; (1)
- Tr_i giam; (1)
- Thi h_h g Qu_n 6; (2)
- TAND Qu_n 6; (1)
- Czng an Qu_n 6; (1)
- UBND n_i BC c_{tr}; (1)
- S_T phg; (1)
- L_u, T_x Hmh s_h s_h (22) (7).

**TM. H_i NG XT X_h P_h TH_h
TH_h P_h - CH_h T_h A P_h T_h**

L Kim Loan